

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Chính

Ông Nguyễn Xuân Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Chu Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 04 năm 2025, tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã B, huyện N vào ngày 27/4/2018. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chung sống không hòa hợp. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2013 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Chu Yến N1, sinh ngày 09/12/2018 và Chu Phương L, sinh ngày 25/9/2022. Hiện nay cháu N1 đang

do anh T nuôi dưỡng và cháu L đang do chị nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị yêu cầu được ợc"trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh T nuôi dưỡng cháu, N1 không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Chu Văn T trình bày về việc kết hôn như chị N trình bày, mâu thuẫn vợ chồng là do anh là bộ đội thường xuyên sống xa nhà, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên bất đồng và không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ 3/2024 cho đến nay. Chị N xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày. Hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Yến N1, chị N nuôi dưỡng cháu Chu Phương L. Nay anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và chị N nuôi dưỡng cháu L không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban ờng"Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Yến N1, sinh ngày 09/12/2018, sinh ngày 25/9/2022 cho anh Chu Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Phương L, sinh ngày 25/9/2022 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh T không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị N, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227;

khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[2]*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Chu Văn T kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 27/4/2018 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân là do cuộc sống chung không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị N và anh T đã sống ly thân từ 5/2024 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị N và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]*Về con chung*: Chị N và anh T có 02 con chung là Chu Yến N1, sinh ngày 09/12/2018 và Chu Phương L, sinh ngày 25/9/2022. Xét thấy, hiện nay cháu N1 đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu L đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị N và anh T đều thống nhất chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nào là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo được lợi ích của các con chung nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị N và anh T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc O"được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Phương L, sinh ngày 25/9/2022. Anh Chu Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Yến N1, sinh ngày 09/12/2018 không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005337 ngày 25 tháng 04 năm 2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Chu Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục Thi hành án huyện Nam Trực;
- UBND xã Bình Minh, huyện Nam Trực
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh